

Số: *1636* /LĐTBXH - PCTNXH

Hà Nội, ngày *28* tháng *04* năm 2017

V/v xây dựng dữ liệu về phòng, chống tệ nạn
xã hội

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Chương trình công tác năm 2017 của Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm, trong đó có nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về phòng, chống tệ nạn xã hội (Công văn số 2443/VPCP - KGVX ngày 16/3/2017), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng phần mềm để cập nhật, quản lý, báo cáo trực tuyến thông qua internet về tình hình tệ nạn xã hội đến cấp xã, phường, thị trấn trong toàn quốc.

Để hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Công an tỉnh, Sở Y tế và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, cập nhật số liệu về phòng, chống tệ nạn xã hội của địa phương vào file mềm (file mềm đăng trên trang thông tin điện tử của Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội: <http://pctnxxh.molisa.gov.vn/?page=legal>) hoặc gửi bản cứng về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Cục phòng, chống tệ nạn xã hội, Tòa nhà D25, số 3, ngõ 7, đường Tôn Thất Thuyết, quận Cầu Giấy, Hà Nội trước ngày 30/5/2017 (mẫu biểu và hướng dẫn kèm theo).

Sau khi thu thập đủ số liệu về phòng, chống tệ nạn xã hội của các địa phương trong toàn quốc, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ tiến hành mã hóa dữ liệu, tổ chức tập huấn, chuyển giao lại cho địa phương để quản lý, cập nhật dữ liệu thông qua mạng internet về phòng, chống tệ nạn xã hội của địa phương.

Trân trọng cảm ơn./ *He*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Cục PCTNXH (02b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trọng Đàm

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
CÔNG TÁC BÁO CÁO THỐNG KÊ SỐ LIỆU PHÒNG, CHỐNG TNXH
(*Kèm theo Công văn số: 1636/LĐTĐBXH – PCTNXH ngày 28 tháng 4 năm 2017*)

1. Cung cấp mẫu biểu báo cáo tới các đơn vị trực thuộc

a. Đối với cấp Tỉnh

- Cung cấp mẫu báo cáo, thống kê tới cấp Huyện các mẫu: CB-H01; CB-H02; CB-H03; CN-H01; MD-H01; MD-H02; MD-H03; NN-H01
- Cung cấp mẫu báo cáo, thống kê tới cơ sở cai nghiện và cơ sở quản lý sau cai trực thuộc tỉnh (nếu có) các mẫu: CB-CS01; CN-CS01

b. Đối với cấp Huyện

- Cung cấp mẫu báo cáo, thống kê tới cơ sở cai nghiện và cơ sở quản lý sau cai trực thuộc huyện (nếu có) các mẫu: CB-CS01; CN-CS01

2. Thực hiện tổng hợp, báo cáo của các cấp

a. Đối với cấp Tỉnh thống kê, báo cáo các mẫu:

- CB-T01: Danh sách cán bộ làm công tác phòng, chống tệ nạn xã hội cấp tỉnh
- CB-T02: Tổng hợp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, chế độ chính sách
- CS-T01: Danh sách cơ sở cai nghiện và cơ sở quản lý sau cai thuộc quản lý cấp tỉnh/tp
- NN-T01: Tổng hợp kết quả công tác tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về

b. Đối với cấp Huyện thống kê, báo cáo các mẫu:

- CB-H01: Danh sách cán bộ làm công tác phòng, chống tệ nạn xã hội địa phương
- CB-H02: Danh sách tình nguyện viên đội công tác xã hội tình nguyện
- CB-H03: Tổng hợp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, chế độ chính sách
- CN-H01: Danh sách người nghiện ma túy tại địa phương
- MD-H01: Tổng hợp thực trạng tệ nạn mại dâm
- MD-H02: Tổng hợp công tác phòng chống mại dâm
- MD-H03: Báo cáo mô hình phòng chống tệ nạn mại dâm
- NN-H01: Tổng hợp kết quả công tác tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về

c. Đối với cấp cơ sở cai nghiện thống kê, báo cáo các mẫu:

- CB-CS01: Danh sách cán bộ hiện có tại cơ sở cai nghiện và cơ sở quản lý sau cai
- CN-CS01: Danh sách người nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện và cơ sở quản lý sau cai

3. Hướng dẫn đặt tên file excel báo cáo thống kê.

- Với mỗi một mẫu báo cáo, các đơn vị tạo 1 file excel và đặt tên theo quy tắc sau:

$$\underbrace{\text{[Tên mẫu báo cáo]}}_{\text{A}} - \underbrace{\text{[Tên đơn vị]}}_{\text{B}} \underbrace{\text{[.xls]}}_{\text{C}}$$

Trong đó:

- o Phần A: Tên mẫu báo cáo
- o Phần B: Tên đơn vị:
 - Với cấp tỉnh: Điền tên tỉnh
 - Với cấp huyện: Điền tên huyện + tên tỉnh
 - Với cơ sở CN: Điền tên cơ sở rút gọn + tên tỉnh
- o Phần C: Tên định dạng file excel (.xls hoặc .xlsx)

4. Tổ chức tập hợp file và báo cáo kết quả

Công tác tập hợp và báo cáo kết quả được thực hiện thông qua việc gửi nhận file excel bản mềm và hoặc nhập trực tiếp trên hệ thống quản lý.

a. Đối với cấp huyện:

- Tạo 1 thư mục chứa:
 - o Tất cả file excel các báo cáo thống kê của huyện các mẫu: CB-H01; CB-H02; CB-H03; CN-H01; MD-H01; MD-H02; MD-H03; NN-H01
 - o Đặt tên thư mục theo tên huyện + tên tỉnh
- Nén thư mục dưới định dạng file .rar hoặc .zip
- Gửi dữ liệu đã nén tới Cục Phòng, chống TNXH theo địa chỉ email: luutanhtinh@gmail.com – SĐT liên hệ: 098 870 6862.

b. Đối với các cơ sở cai nghiện:

- Tạo 1 thư mục chứa:
 - o Tất cả file excel các báo cáo thống kê của cơ sở các mẫu: CB-CS01; CN-CS01

- Đặt tên thư mục theo tên rút gọn của cơ sở + tên tỉnh
 - Nén thư mục dưới định dạng file .rar hoặc .zip
 - Gửi dữ liệu đã nén tới Cục Phòng, chống TNXH theo địa chỉ email: luutanthinh@gmail.com – SĐT liên hệ: 098 870 6862.
- c. Đối với cấp Tỉnh:**
- Tạo 1 thư mục trong đó tập hợp:
 - 1 thư mục chứa tất cả file excel các báo cáo thống kê của cấp tỉnh các mẫu : CB-T01; CB-T02; CS-T01; NN-T01
 - Đặt tên thư mục theo tên tỉnh
 - Nén thư mục dưới định dạng file .rar hoặc .zip
 - Gửi dữ liệu đã nén tới Cục Phòng, chống TNXH theo địa chỉ email: luutanthinh@gmail.com – SĐT liên hệ: 098 870 6862

Tỉnh/TP:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Số CMND/CCCD	Phòng/Ban	Chức vụ	Nơi thường trú	Hình thức lao động	Trình độ đào tạo	Chuyên môn đào tạo	Công việc đang đảm nhiệm	Chức năng giao tiếp tiếng Anh
		dd/mm/yyyy	1. Nam 2. Nữ	Danh mục dân tộc					1. Biên chế 2. LB hợp đồng	1. Đại học, trên ĐH 2. Cao đẳng 3. Trung cấp 4. Sơ cấp 5. Phổ thông	1. Tâm lý xã hội 2. Giáo dục dạy nghề 3. Luật 4. Y, dược 5. Kinh tế, kỹ thuật 6. Khác	1. Phụ trách chung 2. L.v cai nghiện 3. L.v mai dâm 4. L.v hỗ trợ nạn nhân 5. Kiểm nhiệm	1. Có 2. Không
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

Tỉnh/TP:

Chức danh	Số lượng tình nguyện viên được tập huấn						Chế độ chính sách		
	Cấp xã tổ chức		Cấp huyện tổ chức		Cấp tỉnh tổ chức		Thù lao hàng tháng	Trang phục	Khác
	Kiến thức về PC TNXH	Kiến thức cơ bản về công tác xã hội	Kiến thức về PC TNXH	Kiến thức cơ bản về công tác xã hội	Kiến thức về PC TNXH	Kiến thức cơ bản về công tác xã hội			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Đội trưởng									
Đội phó									
Đội viên									
Tổng số									

Ghi chú

Cột 8 - Trang phục: Ghi mức tiền cấp cho 01 tình nguyện viên/1 năm hoặc 1 lần cấp

Cột 9 - Khác: Ghi tổng số tình nguyện viên được hưởng các chế độ chính sách khác nếu có (như: vay vốn, học nghề, bảo hiểm y tế....)

Tên/TP:

TT	Tên cơ sở	THÔNG TIN CHUNG						HIỆN TRẠNG ĐỐI TƯỢNG NGHIỆN MAI TÚY ĐƯỢC TIẾP NHẬN				
		Năm thành lập	Tiếp nhận mới hay chuyển giao từ CS cũ? 1. Tiếp nhận mới 2. Chuyển giao từ CS cũ	Cơ quan quản lý	Địa chỉ	Điện thoại liên hệ	Email	Hình thức tiếp nhận? 1. Bắt buộc có thời hạn 2. Tự nguyện có thời hạn 3. Tự nguyện KXD thời hạn 4. Đối tượng xử hội	Thời gian tiếp nhận tối đa	Thời gian tiếp nhận tối thiểu	Số người được tiếp nhận hiện tại	Số người được tiếp nhận quản lý sau cải
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

DIỄN BIẾN BỆNH CỦA HỌC VIÊN								THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ Hạ Tầng của Cơ Sở											
Tổng số người		Số người nhiễm HIV		Số người nhiễm bệnh XII khác		Số người chết tại cơ sở		Số lượng học viên tiếp nhận đối đa 1 năm	Số lần cải tạo, sửa chữa từ khi thành lập	Năm cải tạo, sửa chữa gần nhất	Tổng diện tích đất tự nhiên thuộc quản lý của cơ sở	Hiện trạng có Oâm bảo chăm sóc, điều trị? 1. Đảm bảo tốt; 2. Cần cải tạo; 3. Cần xây mới; 4. Cần xây thêm; 5. Không ý kiến							
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ					Phòng ở	Khu giữ tri, sinh hoạt tập thể	Khu học văn hóa, học nghề	Khu nhà tắm, nhà vệ sinh	Khu nhà bếp, nhà ăn	Khu y tế chăm sóc sức khỏe	Khu nhà hành chính	
14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	

TT	Đơn vị	Đối tượng tiếp nhận									Chế độ hỗ trợ											
		Tổng	Trong đó								Tổng số được hỗ trợ	Trong đó		Nhu cầu đi lại yếu	Chi phí đi lại	Học vấn hóa	Học nghề	Pháp lý	Trợ cấp khô khăn sau cứu	Tổng số tiền trợ cấp (VND)	Vay vốn	Số tiền vay vốn
			NN là CD VN hoặc người thường trú tại VN	NN là người nước ngoài vì MB tại VN	Dang chờ xác minh	Người chưa thành niên đi cùng NN	Nữ	Ngoại tình	Dưới 16 tuổi	Hồ sơ HNCD		Tại CSBT, CSHT										
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
TỔNG																						

Quận/Huyện: Tỉnh/TP:

Chức danh	Số lượng tình nguyện viên được tập huấn				Chế độ chính sách		
	Cấp xã tổ chức		Cấp huyện tổ chức		Thù lao hàng tháng	Trang phục	Khác
	Kiến thức về PC TNXH	Kiến thức cơ bản về công tác xã hội	Kiến thức về PC TNXH	Kiến thức cơ bản về công tác xã hội			
A	1	2	3	4	5	6	7
Đội trưởng							
Đội phó							
Đội viên							
Tổng số							

Ghi chú

Cột 6 - Trang phục: Ghi mức tiền cấp cho 01 tình nguyện viên/1 năm hoặc 1 lần cấp

Cột 7 - Khác: Ghi tổng số TNV được hưởng các chế độ chính sách khác nếu có (vay vốn, học nghề, bảo hiểm y tế,...)

Quận/Huyện: Tỉnh/TP:

TT	Xã/ Phường	Hình thức quản lý cai nghiện	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Số CMND/ CCCD	Thành phần	Nhân thân
		1. Chưa được cai nghiện 2. Tự nguyện tại gia đình 3. Tự nguyện tại cộng đồng 4. Bị buộc tại cộng đồng 5. Quản lý sau cai nghiện 6. Hoàn thành cai nghiện		dd/mm/yyyy	1. Nam 2. Nữ	Danh mục dân tộc		1. Học sinh, sinh viên 2. Cán bộ 3. Công nhân 4. Nông dân 5. Khác	1. Có tiền án các tội về ma túy 2. Bị xử lý vì phạm hành chính 3. Chưa có tiền án/tiền sự
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Loại ma túy sử dụng	Hình thức sử dụng	Năm bắt đầu sử dụng	Số lần cai nghiện	Hoàn cảnh gia đình	Nghề nghiệp	Việc làm	Hỗ trợ giải quyết các vấn đề xã hội				
							Học nghề	Việc làm	Hỗ trợ vốn tái HNCĐ	Vay vốn ưu đãi	Các hỗ trợ khác
1	2	3	4	5	6	7	18	19	20	21	22
1. Thuốc phiện 2. Gan sa 3. Cocain 4. Heroin 5. Ma túy tổng hợp 6. Ma túy khác 7. Sử dụng nhiều loại	1. Tiêm chích 2. Hít 3. Uống 4. Khác		1. 1 lần 2. 2 lần 3. 3 lần 4. Từ 4 lần trở lên	1. Hộ nghèo, cận nghèo 2. Bản thân hoặc có bệnh là TBệnh, Nhiễm CĐHH		1. Có việc làm ổn định 2. Có việc làm không ổn định 3. Không có việc làm			Ghi số tiền được hỗ trợ nếu có	Ghi số tiền được hỗ trợ nếu có	(pháp lý, y tế, gia đình, chỗ ở...)

TỔNG HỢP THỰC TRẠNG TỆ NẠI MẠI DÂM

(Mẫu MD-101. Kèm theo công văn)

Quận/Huyện: Tỉnh/TP:

TT	Xã/Phường	Các cơ sở KDDV để phát sinh TNMD trên địa bàn				Số cơ sở đã ký cam kết không để xảy ra TNMD	Số nhân viên, tiếp viên làm việc tại cơ sở KDDV để phát sinh TNMD					Số tụ điểm, địa bàn phức tạp về TNMD	Số NBD trên địa bàn				
		Tổng số	Trong đó				Tổng số tiếp viên, nhân viên	Số NV có HDLĐ	Số NV là nữ giới	Số NV là người ngoại tỉnh	Số NV nữ dưới 18 tuổi		Số NBD ước tính	Số NBD được các cơ quan chức năng niêm phong (qua XPHC; xử tại XI; y tế...)			
			Cơ sở lưu trú	Karaoke và massage	Vũ trường									Loại hình khác	Tổng số	Dưới 18 tuổi	Ngôn ngữ tình
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG																

Quận/Huyện: Tỉnh/TP:

TT	Xã/Phường	Xây dựng và ban quy phạm pháp luật và chỉ đạo, điều hành		Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về PCMD					Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật của Đội kiểm tra liên ngành 178/CP								
		Số lượng VH QPPL (bản hành theo thẩm quyền)	Số lượng VB chỉ đạo, điều hành	Số buổi truyền thông	Số người tham gia	Số pa nò, áp phích, tờ rơi, băng rôn, khẩu hiệu...	Tổng số cơ sở kiểm tra trong kỳ	Số cơ sở vi phạm			Số cơ sở chịu các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về PCMD						
								Tổng số	Cơ sở nhà nước	Cơ sở ngoài nhà nước	Tổng số (Tổng cơ sở)	Bị trả giấy phép KD	Bị đình chỉ KD	Bị cảnh cáo	Bị phạt tiền	Số tiền (Vnd)	Hình thức xử lý khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
<i>BIẾNG</i>																	

Quận/Huyện: Tỉnh:

Công tác truy quét, triệt phá ở nhóm tổ chức hoạt động mại dâm												Công tác truy quét, triệt phá ở nhóm tổ chức hoạt động mại dâm			
Số cuộc truy quét tại địa điểm công cộng	Số cuộc triệt phá tại các cơ sở KDDV	Số người mua dâm	Chia ra				Số người bị xử lý VPHC				Số người bị xử lý hình sự				
			Số người mua dâm	Số người bán dâm	Số người bán dâm dưới 18 tuổi	Số chỉ chuẩn, uối giới	Số người mua dâm	Số người bán dâm	Số người bán dâm dưới 18 tuổi	Số chỉ chuẩn, uối giới	Số người bị xử lý hình sự	Số người mua dâm người chưa thành niên	Số chỉ chuẩn mại dâm	Số nữ giới mại dâm	
17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32

Công tác truy tố, xét xử						Hỗ trợ giảm hại và hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm									Xây dựng xã, phường, thị trấn lành mạnh, không có TNMD	
Số vụ việc liên quan đến mua bán được Viện KSND khởi tố		Số vụ việc liên quan đến mua bán được Viện KSND thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử		Số vụ án liên quan đến mua bán được Tòa án các cấp thụ lý, xét xử		Tổng số người bán dâm được hỗ trợ (người)	Trong đó							Tổng số xã, phường, thị trấn địa bàn	Số xã, phường, thị trấn trong điểm/nghị văn về TNMD	Số xã, phường, thị trấn không có TNMD
Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo		Số đời hưởng được hỗ trợ về y tế, chăm sóc sức khỏe, cung cấp các dịch vụ xã hội	Số đời hưởng được tư vấn, trợ giúp pháp lý	Số đời hưởng được hỗ trợ giáo dục, dạy nghề	Số đời hưởng được tạo việc làm, vay vốn SXKD	Số tiền mà người bán dâm được vay	Số đời hưởng hoạt gia sinh hoạt tại các CLB đồng đẳng, các nhóm tự lực				
33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	

Quận/Huyện: Tỉnh/TP:

TT	Xã/Phường	Công tác xây dựng mô hình PCMD						Mô hình giai đoạn 2016-2020		
		Số xã, phường triển khai MH	Tổng cộng	Số MH thí điểm	Số MH duy trì	Đối tượng được hưởng lợi từ mô hình		MH cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho NBD tại cộng đồng, TTCTXH	MH hỗ trợ nhằm bảo đảm quyền của NLD trong các cơ sở KDDV để phát sinh TNMD	MH hỗ trợ tăng cường năng lực của các nhóm đồng đẳng/nhóm tự lực/câu lạc bộ của NBD trong việc tiếp cận, truyền thông và hỗ trợ giám tại, PC bạo lực giới
						Số NBD	Số người có nguy cơ cao			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
TỔNG										

TT	Đơn vị	Đối tượng tiếp nhận							Chế độ hỗ trợ												
		Tổng	Trong đó						Tổng số được hỗ trợ	Trong đó		Nhu cầu thiết yếu	Chi phí đi lại	Học văn hóa	Học nghề	Pháp lý	Trợ cấp khó khăn ban đầu	Tổng số tiền trợ cấp (VNĐ)	Vay vốn	Số tiền vay vốn	
			NN là CD VN hoặc người thường trú tại VN	NN là người nước ngoài vì MB tại VN	Đang chờ xác minh	Người chưa thành niên đi cùng NN	Nữ	Ngoại tỉnh		Dưới 16 tuổi	Hỗ trợ HNCD										Tại CSBT, CSHT
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG																				

DANH SÁCH CÁN BỘ HIỆN CÓ TẠI CƠ SỞ CẢI NGHIỆN VÀ CƠ SỞ QUẢN LÝ SAU CẢI

(Mẫu CB-CS01. Kèm theo công văn)

Tên cơ sở:Địa chỉ:

TT	Phòng/Ban/ Bộ phận	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Số CMND/CCCD	Chức vụ	Nơi thường trú	Hình thức lao động	Trình độ đào tạo	Chuyên môn đào tạo	Có khả năng giao tiếp tiếng Anh
			dd/mm/yyyy	1. Nam 2. Nữ	Danh mục dân tộc				1. Biên chế 2. LĐ hợp đồng 3. Biệt phái (Công an) 3. Biệt phái (Y tế)	1. Đại học, trên ĐH 2. Cao đẳng 3. Trung cấp 4. Sơ cấp 5. Phổ thông	1. Tâm lý, xã hội 2. Giáo dục dạy nghề 3. Luật 4. Y, dược 5. Kinh tế, kỹ thuật 6. Khác	1. Có 2. Không
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

Tên cơ sở: Địa chỉ:

TT	Tên cơ sở	Hình thức quản lý cải nghiệp	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi thường trú	Số CMND/ CCCD	Thành phần	Nhân thân
		1. Tự nguyện 2. Bắt buộc 3. Quản lý sau cải nghiệp 4. Cơ sở xã hội		dd/mm/yyyy	1. Nam 2. Nữ	Danh mục dân tộc			1. Học sinh, sinh viên 2. Cán bộ 3. Công nhân 4. Nông dân 5. Khác	1. Có tiền án các tội về ma túy 2. Bị xử lý vi phạm hành chính 3. Chưa có tiền án/tiền sự
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

Loại ma túy sử dụng	Hình thức sử dụng	Năm bắt đầu sử dụng	Số lần cai nghiện	Hoàn cảnh gia đình	Nghề nghiệp	Việc làm trước khi vào Cơ sở cai nghiện	Tư vấn, Học văn hóa, học nghề					
							Học văn hóa	Học nghề	Lao động trị liệu	Số lần được tư vấn cá nhân	Tư vấn sức khỏe học viên cho gia đình (thăm gặp...)	
1. Thuốc phiện 2. Cấn sa 3. Cocain 4. Heroin 5. Ma túy tổng hợp 6. Ma túy khác 7. Sử dụng nhiều loại	1. Tiêm chích 2. Hít 3. Uống 4. Khác		1. 1 lần 2. 2 lần 3. 3 lần 4. Từ 4 lần trở lên	1. Hộ nghèo, cận nghèo 2. Bản thân hoặc có bố/mẹ là TBệnh, Nhiễm CDHH		1. Có việc làm ổn định 2. Có việc làm không ổn định 3. Không có việc làm						
12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	

2

